

Bản án số: 39/2018/HSST
Ngày: 06-04-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Công Trung – Phòng Giáo dục quận T

2/ Bà Trần Quang Cảnh

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 34/2018/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HS ngày 26/03/2018 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T; sinh năm 1991, tại Thành phố H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số A18/11, ấp 1A, đường Q, xã B, huyện B, Thành phố H; chỗ ở: không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con Vô danh và bà Trần Minh H; chưa có vợ, con. Tiền án; Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày: 30/9/2017 - Có mặt.

Người bị hại:

Chị Huỳnh Thị N; sinh năm 2004; trú tại: 164/3A Lê Đình T, phường T, quận T, Thành phố H – Vắng mặt

Người giám hộ cho bị hại:

Bà Huỳnh Thị H; sinh năm 1964

Trú tại: Thôn H, xã B, huyện H, tỉnh T – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21h30 ngày 30/9/2017 Trần Ngọc T điều khiển xe gắn máy biển số 59L1-540.31 lưu thông trên đường Lê Đình T, khi đến trước số 143 Lê Đình T, phường T, quận T phát hiện em Huỳnh Thị N sinh ngày 02/4/2004 đang sử dụng điện thoại. T nảy sinh ý định cướp giật điện thoại, liền quay đầu xe cùng chiều

với em N và dừng xe lại, tắt máy giả bộ hỏi thăm rồi bất ngờ giật điện thoại, em N giằng lại thì bị T dùng tay đánh 2 cái vào đầu, do đau quá nên em N buông điện thoại, vươn người dùng tay rút chìa khóa xe và chạy về nhà số 164/3A đường Lê Đình T báo với anh Trần S và Mai Văn C, hai người truy đuổi, bắt giữ T tại số 69 Cầu X, phường T, quận T giao Công an phường xử lý.
Tại Cơ quan điều tra Trần Ngọc T khai nhận thực hiện hành vi cướp tài sản như trên.

Theo biên bản kết luận định giá tài sản số 299/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 20/10/2017 kết luận 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S, màu hồng vàng tài sản đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 95% trị giá 5.000.000 đồng.

Vật chứng:

-01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S đã trả cho em Huỳnh Thị N và không yêu cầu bồi thường gì.

-01 áo mưa màu xanh, 01 đôi dép màu đen, quai màu trắng thu giữ của T.

-01 xe gắn máy biển số 59L1-540.31 của chị Nguyễn Tú Tr thường trú tại ấp Đ, Bải T, huyện P, tỉnh K, cho T mượn và không biết T dùng xe đi cướp giật tài sản. Qua xác minh xe trên do chị Nguyễn Thị Nguyệt H (cô ruột Tr) thường trú tại 188/21/18 Lê Đình C, phường T, quận B, đứng tên chủ sở hữu và giao cho Tr sử dụng làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Tú Tr.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 21 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội:"Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm h khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung 2009; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Bị cáo Trần Ngọc T thống nhất với tội danh và khung hình phạt như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố, không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định Trần Ngọc T dùng vũ lực tấn công vào bị hại làm cho bị hại không thể kháng cự và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản cụ thể: Khoảng 21h30 ngày 30/9/2017 Trần Ngọc T điều khiển xe gắn máy biển số 59L1-540.31 lưu thông trên đường Lê Đình T, khi đến trước số 143 Lê Đình T, phường T, quận T phát hiện em Huỳnh Thị N sinh ngày 02/4/2004 đang sử dụng điện thoại. T dừng xe lại, tắt máy giả bộ hỏi thăm rồi bất ngờ giật điện thoại, em N giằng lại thì bị T dùng tay đánh 2 cái vào đầu, do đau quá nên em N buông điện thoại, vươn người dùng tay rút chìa khóa xe và chạy về nhà số 164/3A Lê Đình T báo với anh Trần S và Mai Văn C, hai người truy đuổi, bắt giữ T tại số 69 Cầu X, phường T, quận T giao Công an phường xử lý.

Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Cướp tài sản”, như bản cáo trạng đã truy tố theo Theo điểm b khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo và liều lĩnh. Lợi dụng sơ hở của người bị hại, công khai chiếm đoạt tài sản ngay trên đường, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

Về nhân thân:

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng, mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên cũng xem xét bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại, bị hại không bị thương nên chưa gây thiệt hại gì nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là điện thoại di động hiệu Oppo F1S đã thu hồi trả cho bị hại N, Chị N không yêu cầu nên không xem xét thêm.

[4] Về xử lý vật chứng. -01 áo mưa màu xanh, 01 đôi dép màu đen, quai màu trắng thu giữ của T. Xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy

-01 xe gắn máy biển số 59L1-540.31 của chị Nguyễn Tú Tr thường trú tại ấp Đ, Bã T, Phú Quốc, Kiên Giang, cho T mượn và không biết T dùng xe đi cướp giật tài sản. Qua xác minh xe trên do chị Nguyễn Thị Nguyệt H (cô ruột Tr) thường trú tại 188/21/18 Lê Đình C, phường T, quận B, đứng tên chủ sở hữu

và giao cho Tr sử dụng làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Tú Tr nên không xem xét thêm.

[5] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội: "Cướp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm h khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung 2009; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 03(ba) năm 06(sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 30 tháng 9 năm 2017.

[2] Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo mưa màu xanh và 01 đôi dép màu đen, quai màu trắng.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 341/PNK ngày 03 tháng 10 năm 2017 tại kho vật chứng Công an quận T).

[3] Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Ngọc T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người giám hộ cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. H; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân quận T; (3)
- Văn phòng Cơ quan CSĐT; (1)
- Sở Tư pháp TP.H (1)
- Trại giam và Bị cáo; (2)
- Thị hành án dân sự quận T; (1)
- Thị hành án hình sự; (2)
- Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; (4)
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Mỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Mỹ

